TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHONG ĐIỀN** THÀNH PHỐ CẦN THƠ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 29 /2021/HNGĐ-ST
Ngày: 11/6/2021
V/v: "không công nhận quan hệ vợ chồng".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHONG ĐIỀN, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có **:**

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Mỹ Xuân

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Thanh Hải

2. Bà Tô Phạm Tuyết Nghiêm

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Ban, là thư ký Tòa án nhân dân huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Điền tham gia phiên tòa: bà Lương Thị Mỹ Hiền- Kiểm sát viên

Trong ngày 11 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ, xét xử công khai vụ án thụ lý số 29/2021/TLST-HNGĐ ngày 11/6/2021 về việc "không công nhận quan hệ vợ chồng". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 64/2021/QĐST-HNGĐ ngày 04/5/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 46/2021/QĐST-HNGĐ ngày 19/5/2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* bà **Nguyễn Thị Cẩm L**, sinh năm: 1967

HKTT: ấp Kh H, xã Đông Thạnh, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang

Bị đơn: ông **Nguyễn Thanh Nh**, sinh năm: 1963

HKTT: 210 ấp T Nh, xã Tân Thới, huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ

(Nguyên đơn, bị đơn có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện 03/10/2018 của nguyên đơn cũng như lời trình bày của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa: Bà L và ông Nh tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện có tổ chức đám cưới và làm "Giấy khai đăng ký kết hôn" vào ngày 29/4/1987 nhưng chưa được UBND cấp giấy đăng ký kết hôn. Sau

hôn nhân ông bà chung sống hạnh phúc được thời gian khoảng 10 năm thì phát sinh mẫu thuẫn nên bà L về nhà cha mẹ ruột sinh sống, từ đó ông bà sống ly thân cho đến nay. Bà L được biết ông Nh đã có gia đình mới và có con với người vợ sau nên bà L yêu cầu ly hôn với ông Nh.

- Về con chung: có 02 người con chung tên Nguyễn Vũ Đang Th (nữ), sinh năm: 1989 và Nguyễn Vũ Hải Đ (nam), sinh năm: 1990. Vì hai người con chung đã trưởng thành nên bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: theo bà L là không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phía bị đơn Nguyễn Thanh Nh: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông Nh. Theo nguyên đơn cung cấp địa chỉ bị đơn Nguyễn Thanh Nh cư trú tại 210 ấp T Nh, xã Tân Thới, huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ nhưng ông Nh thường xuyên vắng nhà, còn gia đình không đồng ý nhận giấy triệu tập nên Tòa án đã lập biên bản không tống đạt được và tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo qui định pháp luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên Tòa hôm nay bị đơn Nguyễn Thanh Nh có mặt và thống nhất ý kiến với nguyên đơn về thời gian tiến tới hôn nhân và con chung. Riêng về tài sản, vì ông Nh cho rằng bà L bỏ nhà đi có để lại nợ, ông Nh đã trả nợ thay cho bà L nên ông Nh yêu cầu bà L trả lại cho ông Nh 03 chỉ vàng 24k. Nhưng bà L luôn cho rằng hoàn cảnh kinh tế khó khăn, không có nghề nghiệp, không thu nhập thì ông Nh giảm 01 chỉ nên bà L phải trả 02 chỉ vàng 24K để ông giao cho hai người con làm kỷ niệm.

**Ý kiến của Đại diện viện kiểm sát tại phiên tòa:*

Thủ tục tố tụng: từ giai đoạn Tòa án thụ lý vụ án đến giai đoạn xét xử thì thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng về trình tự thủ tục, những quyền và nghĩa vụ được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn thống nhất ý kiến về hôn nhân, con chung nhưng tranh chấp nợ, Hội đồng xét xử độc lập, xét hỏi trong phạm vi yêu cầu của các đương sự.

Nội dung giải quyết vụ án: Tòa án thụ lý và xác định đúng quan hệ pháp luật. Xét các chứng cứ trong hồ sơ thể hiện, ông Nh với bà L khai nhận thống nhất ông bà tiến tới hôn nhân năm 1987, có Giấy khai đăng ký kết hôn nhưng chưa cấp giấy chứng nhận kết hôn. Ông bà chung sống đến năm 1995 thì ly thân, năm 1996 Ông Nh có gia đình mới, có con chung nhưng không đăng kí kết hôn. Sau đó, ông Nh có xin ly hôn tại Tòa án Nhân Dân huyện Châu Thành (nay TAND Quận Cái Răng) nhưg bà L không ra nên Tòa nên Tòa không xem xét giải quyết ly hôn. Do đó, nguyên đơn yêu cầu ly hôn thì đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng; Về con chung các bên thống nhất có 02 người con chung đã trưởng thành nên không xem xét; Về tài sản: thống nhất không có nên Tòa án không xem xét; Về nợ chung: bà L cho rằng không có nhưng ông Nh cho rằng có và cung cấp chứng cứ 02 tờ giấy phôtô

nội dung thể hiện năm 1995 bà L có nợ 5 triệu đồng, ông Nh đã trả xong nay yêu cầu bà l trả lại 02 chỉ vàng 24k. Căn cứ hồ sơ ông Nh cung cấp chứng cứ "Tờ cam kết" ngày 02/5/1995 thỏa thuận L nợ 5 triệu và Nh lấy tài sản để trả nợ, số còn lại sinh sống, nuôi con. Bị đơn thừa nhận đã thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận. Do đó, không có cơ sở để buộc bà L phải trả lại ông Nhàn 02 chỉ vàng 24K như bị đơn yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Nguyễn Thị Cẩm L và ông Nguyễn Thanh Nh tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng, có tổ chức lễ cưới, có làm Giấy khai đăng ký kết hôn vào năm 1987 nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn. Ngày 03/10/2018, bà L có đơn yêu cầu Tòa án cho bà được ly hôn với ông Nh, không có tranh chấp về con chung, tài sản chung và nợ chung. Ông Nh đăng ký thường trú tại 210 ấpT Nh, xã Tân Thới, huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ nên Tòa án nhân dân huyện Phong Điền, thành phố Cần thơ thụ lý giải quyết theo Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Bà Loan cho rằng cuộc sống chung với ông Nh khoảng 10 năm, có với nhau 02 người con chung thì phát sinh mâu thuẫn nên hai người sống ly thân. Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, bị đơn không hợp tác, không nhận giấy triệu tập, không nộp tự khai. Tại phiên tòa các bên đương sự khai thống nhất, ông Nh đã có gia đình mới, hai bên đã không liên lạc với nhau nhiều năm. Khi ông bà sống ly thân, 02 con chung do ông Nh trực tiếp nuôi dưỡng và đến nay hai con đã trưởng thành. Nội dung Tờ cam kết ngày 02/5/1995 tuy là bản photo do bị đơn cung cấp nhưng nguyên đơn thống nhất nội dung.

Xét ông Nh với bà L tự nguyên chung sống với nhau từ tháng 4 năm 1987 đến nay chỉ là Giấy khai đăng ký kết hôn mà chưa đăng ký kết hôn do cơ quan có thẩm quyền cấp. Đồng thời, Ủy ban nhân dân xã T T xác nhận không còn bộ lưu năm 1987 nên Tòa án không hòa giải đoàn tụ và Hội đồng xét xử áp dụng điểm c, khoản 3 Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội không công nhận bà L với ông Nh là vợ chồng.

[3] Về con chung: Đương sự khai nhận thống nhất có 02 con chung tuy bà Loan chỉ cung cấp giấy khai sinh của Nguyễn Vũ Đang Th (nữ), sinh năm: 1989. Riêng Nguyễn Vũ Hải Đ, sinh năm: 1990 thì nguyên đơn không cung cấp giấy khai sinh. Vì hai con đã trưởng thành nên đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự khai nhận thống nhất tài sản chung là không có; Về nợ chung thì 1995 bà Loan thiếu nợ 5.000.000đồng, khi ly thân bà L, ông Nh đã trả được 1 phần nợ, còn lại 3 chỉ vàng 24k. ông Nh đã trả thay cho bà L nên ông yêu cầu bà L trả lại 3 chỉ vàng 24k. Tại phiên tòa hôm nay, bà L không có khả năng nên Ông Nh yêu cầu bà L trả cho ông 02 chỉ vàng 24K.

Xét chứng cứ và lời trình bày các đương sự, nội dung Tờ cam kết ngày 02/5/1995, bà L và ông Nh thống nhất sử dụng tài sản chung để trả nợ, nuôi con và sinh sống. Mặt khác, nợ chung trong thời kỳ hôn nhân và tại phiên tòa bị đơn cho rằng đã trả xong nên yêu cầu ông Nh buộc bà L trả vàng cho ông làm kỷ niệm là không có cơ sở thống nhất đề nghị của Viện kiểm sát không chấp nhận yêu cầu của bị đơn.

[5] Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm; Bị đơn nộp án phí về yêu cầu không được chấp nhận.

[6] *Về quyền kháng cáo:* các đương sự được thực hiện theo quy định tại 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 9, Điều 14, Điều 53, Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm c khoản 3 Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn

- *Về quan hệ hôn nhân*: Không công nhận bà Nguyễn Thị Cẩm L và ông Nguyễn Thanh Nh là vợ chồng.

- Về con chung: có 02 con chung tên Nguyễn Vũ Đang Th (nữ), sinh năm: 1989 và Nguyễn Vũ Hải Đ (nam), sinh năm: 1990 đã trưởng thành.

- Về tài sản: không chấp nhận yêu cầu của bị đơn Nguyễn Thanh Nh về việc buộc nguyên đơn Nguyễn Thị Cẩm L hoàn trả 02 chỉ vàng 24K.

- *Án phí hôn nhân sơ thẩm*: nguyên đơn Nguyễn Thị Cẩm L phải nộp 300.000 đồng, chuyển tiền tạm ứng án phí tại phiếu thu số AA/2016/017779 ngày 27/11/2020

của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ thành án phí; Bị đơn Nguyễn Thanh Nh phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 500.000 đồng.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hồ Mỹ Xuân

Nơi nhận :
- Các đương sự;
- TAND Tp. Cần Thơ;
- VKSND H. Phong Điền;
- THA H. Phong Điền;
- Lưu HS (2).

Thành viên Hội đồng xét xử **Thẩn phán- Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Thanh Hải ***Tô Phạm Tuyết Nghiêm*** ***Hồ Mỹ Xuân***